

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Đại học Đà Nẵng

#### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 105/CĐĐHĐN-VP ngày 23/7/2024 của Công đoàn Đại học Đà Nẵng về việc thống nhất nội dung Dự thảo Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức Cán bộ.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Đại học Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4768/QĐ-ĐHĐN ngày 28/12/2020 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng tại Đại học Đà Nẵng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng các ban chức năng của Đại học Đà Nẵng, Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Đại học Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy ĐHĐN (để b/cáo);
- Hội đồng ĐHĐN (để b/cáo);
- Ban Giám đốc ĐHĐN (để biết);
- Công đoàn, Đoàn Thanh niên ĐHĐN (để t/hiện);
- Lưu: VT, TCCB.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
PGS.TS. Lê Thành Bắc

## **QUY ĐỊNH**

### **Về công tác thi đua, khen thưởng của Đại học Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3828 /QĐ-ĐHĐN ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Văn bản này quy định về công tác thi đua, khen thưởng (TĐKT) của Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN), gồm: quy định chung; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; khen thưởng quá trình cống hiến; tổ chức và hoạt động của Hội đồng TĐKT; hồ sơ, thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quỹ TĐKT.

2. Những nội dung về TĐKT không quy định tại văn bản này được thực hiện theo Luật TĐKT ngày 15/6/2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TĐKT, Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TĐKT đối với ngành Giáo dục, Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định biện pháp thi hành Luật TĐKT và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TĐKT và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

##### 1. Đối tượng thi đua:

a) Các trường đại học thành viên; các đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHĐN.

b) Tập thể nhỏ của các trường đại học thành viên, gồm: các phòng, khoa, trung tâm, viện và các tổ chức cấu thành khác thuộc, trực thuộc Trường (*chỉ áp dụng đối với tập thể nhỏ được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị*).

c) Tập thể nhỏ của Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum, Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh, Trường Y Dược, Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Trung tâm Đào tạo Thường xuyên của ĐHĐN, gồm: các phòng, khoa, trung tâm và các tổ chức cấu thành khác thuộc đơn vị (*chỉ áp dụng đối với tập thể nhỏ được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị*).

d) Viên chức và người lao động đã ký kết hợp đồng với ĐHĐN hoặc các trường đại học thành viên theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (*chỉ áp dụng đối với các trường hợp viên chức, người lao động đã làm việc từ 06 tháng trở lên*).

e) Người học của ĐHĐN.

2. Đối tượng khen thưởng:

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tập thể người học gồm lớp học và nhóm người học.

c) Tập thể, cá nhân người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển giáo dục, đào tạo của ĐHĐN.

### **Điều 3. Nguyên tắc xét TĐKT**

1. Tự nguyện, tự giác, chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời.

2. Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được.

3. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó.

4. Bảo đảm bình đẳng giới trong TĐKT.

5. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn.

6. Cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ theo quy định.

7. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề không dùng làm căn cứ để đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng.

8. Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật.

9. Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

10. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

11. Thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến đối với cá nhân là nữ lãnh đạo, quản lý được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung. Trường hợp cá nhân nữ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian để xét khen thưởng quá trình công hiến thực hiện theo quy định chung.

#### **Điều 4. Thẩm quyền quyết định và đề nghị xét, tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

##### 1. Thẩm quyền của Giám đốc ĐHĐN:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, trình cấp có thẩm quyền xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các tập thể, cá nhân trong toàn ĐHĐN.

b) Trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, Bằng khen của Bộ trưởng cho các tập thể và cá nhân trong toàn ĐHĐN; xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho các cá nhân trong và ngoài ĐHĐN có đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

c) Quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho các tập thể trường đại học thành viên; tập thể các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN; tập thể nhỏ của các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN (trừ tập thể nhỏ của Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh).

d) Quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cá nhân của các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này).

e) Quyết định tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN cho các tập thể, cá nhân và người học trong toàn ĐHĐN.

##### 2. Thẩm quyền của Hiệu trưởng các trường đại học thành viên:

a) Trình Giám đốc ĐHĐN xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể trường, tập thể nhỏ và các cá nhân của Trường.

b) Trình Giám đốc ĐHĐN xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Bằng khen của Bộ trưởng” cho các tập thể và cá nhân của Trường; xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho các cá nhân trong và ngoài Trường có đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

c) Trình Giám đốc ĐHĐN xét, tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN cho tập thể trường, tập thể nhỏ, cá nhân và người học của Trường.

d) Quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho các tập thể nhỏ của Trường.

e) Quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các cá nhân của Trường.

f) Quyết định tặng Giấy khen của Hiệu trưởng cho các tập thể nhỏ, cá nhân và người học của Trường.

3. Thẩm quyền của Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh:

a) Trình Giám đốc ĐHQĐN xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các tập thể, cá nhân của Viện.

b) Trình Giám đốc ĐHQĐN xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Bằng khen của Bộ trưởng cho các tập thể và cá nhân của Viện; xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho các cá nhân trong và ngoài Viện có đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

c) Trình Giám đốc ĐHQĐN xét, tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHQĐN cho các tập thể, cá nhân và người học của Viện.

d) Quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho các tập thể nhỏ của Viện.

e) Quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho các cá nhân của Viện.

4. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHQĐN (trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này) tổ chức bình xét, trình Giám đốc ĐHQĐN xét tặng hoặc trình cấp có thẩm quyền xét, tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân của đơn vị.

## **Chương II**

### **DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

#### **Điều 5. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật TĐKT để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp Bộ;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, ĐHQĐN trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

3. Hồ sơ đề nghị ĐHQĐN xét, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, trình cấp có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng kèm theo tóm tắt thành tích (04 bộ);
- c) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng TĐKT của cấp trình khen thưởng;
- d) Chứng nhận hoặc xác nhận của người đứng đầu bộ, ban, ngành, tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc theo như Mẫu số 11 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP;
- e) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP (nếu có).

### **Điều 6. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật TĐKT để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, ĐHĐN trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

3. Hồ sơ đề nghị ĐHĐN xét, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng kèm theo tóm tắt thành tích (03 bộ);
- c) Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;
- d) Chứng nhận hoặc xác nhận của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Giáo dục và Đào tạo theo như Mẫu số 11 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP;
- e) Minh chứng có liên quan (nếu có).

## **Điều 7. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật TĐKT để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu trong năm học đề nghị xét tặng (*chỉ áp dụng đối với các thành tích đã được nghiệm thu/xuất bản/công nhận trong thời gian từ ngày 01/7 đến ngày 30/6 của năm học đang đề nghị xét khen thưởng*).

2. Hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xét, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng (01 bộ);

c) Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;

d) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng theo như Mẫu số 11 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP hoặc quyết định xếp loại chất lượng đạt mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Các đơn vị không đề nghị cấp có thẩm quyền xét, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” hoặc “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” cho các cá nhân đã được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” về cùng thành tích đạt được.

## **Điều 8. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT để tặng hàng năm khi kết thúc năm học cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

2. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên thì thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung, trong thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, cá nhân phải định kỳ báo cáo kết quả học tập theo quy định của ĐHĐN, trong đó có thể hiện việc chấp hành tốt quy định của cơ

sở đào tạo, hoàn thành nhiệm vụ học tập, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...).

3. Đối với cá nhân chuyển công tác về các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN trong năm xét khen thưởng, đơn vị đề xuất bình xét khen thưởng cho cá nhân đó có trách nhiệm xin ý kiến nhận xét về việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị và thực hiện các nhiệm vụ được giao của đơn vị công tác cũ nếu cá nhân có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên.

4. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét, công nhận. Cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái có trách nhiệm cho ý kiến nhận xét về việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị và thực hiện các nhiệm vụ được giao trong thời gian cá nhân được điều động, biệt phái.

5. Không bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Nghỉ không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng đến dưới 06 tháng (trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 3 Quy định này).

b) Chưa được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức hằng năm theo quy định.

6. Hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xét, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng (01 bộ);

c) Biên bản bình xét thi đua của đơn vị hoặc của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;

d) Minh chứng có liên quan (nếu có).

### **Điều 9. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT để tặng hằng năm khi kết thúc năm học cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.



2. Hồ sơ đề nghị ĐHĐN xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể có xác nhận của cấp trình khen thưởng kèm theo tóm tắt thành tích (03 bộ);
- c) Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;
- d) Minh chứng có liên quan (nếu có).

### **Điều 10. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT để tặng hằng năm khi kết thúc năm học cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- b) Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền xét, công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể có xác nhận của cấp trình khen thưởng kèm theo tóm tắt thành tích (01 bộ);
- c) Biên bản bình xét thi đua của đơn vị hoặc của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;
- d) Minh chứng có liên quan (nếu có).

### **Điều 11. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”**

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo” được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua.

3. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tình hình thực tiễn, Giám đốc ĐHĐN xem xét, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận Khối thi đua để tặng Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các tập thể của ĐHĐN.

4. Hồ sơ đề nghị ĐHĐN xét, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo” được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể có xác nhận của cấp trình khen thưởng kèm theo tóm tắt thành tích (03 bộ);
- c) Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;
- d) Minh chứng có liên quan (nếu có).

### **Điều 12. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”**

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật TĐKT để tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;
- b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng TĐKT Trung ương tổ chức đánh giá, so sánh, bình xét, lấy phiếu tín nhiệm của các thành viên trong cụm, khối thi đua suy tôn là tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh;
- b) Thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh;
- c) Thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác TĐKT.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

4. Hồ sơ đề nghị ĐHDN xét, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo trình cấp có thẩm quyền tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

- a) Tờ trình của đơn vị;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể có xác nhận của cấp trình khen thưởng kèm theo tóm tắt thành tích (04 bộ);
- c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;
- d) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP (nếu có).

### **Chương III**

## **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

### **Mục 1**

#### **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG**

#### **Điều 13. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba**

1. “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba được thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 38 Luật TĐKT.

2. Hồ sơ đề nghị xét, tặng “Huân chương Độc lập” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

#### **Điều 14. “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba**

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba được thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43, Điều 44 Luật TĐKT.

2. Hồ sơ đề nghị xét, tặng “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

### **Mục 2**

#### **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC**

#### **Điều 15. Danh hiệu vinh dự Nhà nước**

1. Danh hiệu vinh dự Nhà nước để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có những đóng góp đặc biệt xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Danh hiệu vinh dự Nhà nước gồm:

- a) “Anh hùng Lao động”;
- b) “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.

### **Điều 16. Danh hiệu “Anh hùng Lao động”**

1. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” được thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật TĐKT.

2. Hồ sơ đề nghị xét, tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

### **Điều 17. Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”**

Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật TĐKT.

## **Mục 3**

### **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

#### **“GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH”, “GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC”**

#### **Điều 18. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”**

“Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” được thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật TĐKT.

#### **Điều 19. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”**

“Giải thưởng Hồ Chí Minh” được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật TĐKT.

#### **Điều 20. “Giải thưởng Nhà nước”**

“Giải thưởng Nhà nước” được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật TĐKT.

## **Mục 4**

### **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ**

#### **KHEN THƯỞNG KỶ NIỆM CHƯƠNG, BẰNG KHEN, GIẤY KHEN**

#### **Điều 21. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”**

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” (sau đây viết tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT.

2. Hồ sơ đề nghị ĐHQĐN xét, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT, gồm:

- a) Công văn của đơn vị kèm theo danh sách cá nhân đề nghị;
- b) Bản tóm tắt thành tích của cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng (03 bộ).

#### **Điều 22. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ**

“Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật TĐKT như sau:

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Đã được tặng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng ở khu vực;
- d) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật TĐKT, có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh;
- b) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;
- c) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong cụm, khối thi đua do Hội đồng TĐKT Trung ương tổ chức;
- d) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động hoặc phong trào thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên;
- đ) Có thành tích xuất sắc trong phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước;
- e) Đã được tặng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh.

4. Hồ sơ đề nghị ĐHĐN xét, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xét, trình cấp có thẩm quyền tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

- a) Tờ trình của đơn vị trình khen thưởng;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng kèm theo tóm tắt thành tích (04 bộ);
- c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;
- d) Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng do lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng ở

khu vực, có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng;

e) Các văn bản liên quan theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP (nếu có).

### **Điều 23. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

“Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo” được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT như sau:

1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động; hoặc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng, Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao có thời gian từ 03 năm trở lên có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương lan tỏa trong ngành Giáo dục; hoặc có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét hàng năm, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động; hoặc trong thực hiện nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao có thời gian từ 05 năm trở lên có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương lan tỏa trong ngành Giáo dục;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có nghĩa cử cao đẹp, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa, dịch bệnh, đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, có tác dụng nêu gương và được đơn vị, địa phương ghi nhận, tôn vinh;

c) Có nhiều đóng góp đặc biệt xuất sắc cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, có ý nghĩa xã hội to lớn, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được đơn vị thụ hưởng và cơ quan quản lý trực tiếp của đơn vị thụ hưởng xác nhận;

d) Có thời gian công tác tại đơn vị từ 05 năm trở lên, có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của đơn vị được ghi nhận nhân dịp kỷ niệm thành lập (năm tròn);

e) Cá nhân công tác tại ĐHĐN có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở;

f) Cá nhân công tác tại ĐHĐN hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong 05 năm trước khi nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội, chưa được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen.

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đạt tiêu chuẩn như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có thành tích xuất sắc trong việc cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa, dịch bệnh ở đơn vị, địa phương;

c) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục và được đơn vị thụ hưởng xác nhận;

d) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập đơn vị (năm tròn);

e) Tập thể có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

3. Các trường hợp khác không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các đơn vị trình ĐHĐN xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ đề nghị ĐHĐN xét, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo” được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân có xác nhận của cấp trình khen thưởng kèm theo tóm tắt thành tích (03 bộ);

c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;

d) Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo thì phải có chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về thành tích đề nghị khen thưởng.

#### **Điều 24. Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN**

1. Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN để tặng cho các cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định, nội quy của ĐHĐN và đạt một trong các thành tích xuất sắc trong hoạt động tại ĐHĐN, cụ thể như sau:

a) Đạt mức xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm đang đề nghị xét khen thưởng;

b) Đạt mức xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và có ít nhất 01 (một) sáng kiến cơ sở đã được Giám đốc ĐHĐN/Hiệu trưởng trường đại học thành viên của ĐHĐN công nhận hoặc được Giám đốc ĐHĐN/Hiệu trưởng trường đại học thành viên của ĐHĐN giao xây dựng (bằng văn bản) ít nhất 01 văn bản quy phạm nội bộ (đã được ban hành) hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ, giáo trình đã được nghiệm thu với kết quả đạt trở lên/xuất bản/công nhận (*chỉ áp dụng đối với các thành tích đã đạt được trong thời gian từ ngày 01/7 đến ngày 30/6 của năm học đang đề nghị xét khen thưởng*);

c) Lập thành tích xuất sắc đột xuất hoặc huy động được nguồn tài trợ từ mức 100 triệu trở lên hoặc có nghĩa cử cao đẹp, hành động dũng cảm, có tác dụng nêu gương và được đơn vị ghi nhận, đề xuất, tôn vinh;

d) Trực tiếp bồi dưỡng, hướng dẫn sinh viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các kỳ thi, cuộc thi về học thuật hoặc nghiên cứu khoa học cấp ĐHĐN trở lên;

e) Có thời gian công tác tại ĐHĐN từ 05 năm trở lên và liên tục được công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của đơn vị được ghi nhận nhân dịp kỷ niệm thành lập đơn vị (năm tròn).

2. Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN để tặng cho người học có phẩm chất đạo đức, gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định và nội quy của ĐHĐN, thực hiện tốt nhiệm vụ của người học; tặng cho tập thể người học gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định và nội quy của ĐHĐN và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đạt giải Nhất, Nhì, Ba hoặc huy chương Vàng, Bạc, Đồng trong các cuộc thi, kỳ thi về học thuật hoặc nghiên cứu khoa học cấp ĐHĐN trở lên; đạt giải Nhất, Nhì, Ba hoặc Huy chương Vàng, Bạc, Đồng các cuộc thi, Hội thi về văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cấp quốc gia, quốc tế.

b) Đạt danh hiệu thủ khoa kỳ tuyển sinh đại học hoặc tốt nghiệp thủ khoa của Khoa/Viện/Trường;

c) Có thành tích xuất sắc trong các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hoạt động xã hội, vì cộng đồng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác nhận, có ý nghĩa nêu gương trong toàn ĐHĐN.

3. Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định, nội quy của ĐHĐN và đạt một trong các thành tích xuất sắc trong hoạt động tại đơn vị, cụ thể như sau:

a) Đạt mức xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm đang đề nghị xét khen thưởng;

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất trong thực hiện nhiệm vụ góp phần nâng cao uy tín, vị thế của ĐHĐN;



c) Được thành lập từ 05 năm trở lên và liên tục được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của đơn vị được ghi nhận nhân dịp kỷ niệm thành lập đơn vị (năm tròn).

4. Số lượng cá nhân được tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN không vượt quá 5% tính trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của tập thể. Trường hợp tập thể có dưới 10 cá nhân (cơ hữu), có thể đề nghị xét tặng 01 cá nhân. Trường hợp tập thể có tỷ lệ chia % là số lẻ từ 0,5 trở lên (trừ kiêm nhiệm) thì được làm tròn lên 01 (một) cá nhân. Số lượng tập thể được tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN không vượt quá 20% tính trên tổng số tập thể nhỏ đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trong đơn vị.

5. Số lượng đề nghị khen thưởng nhân dịp kỷ niệm thành lập đơn vị (năm tròn)

a) Số lượng cá nhân đề nghị không quá 10 cá nhân/01 trường và không quá 05 cá nhân/01 đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

b) Số lượng tập thể đề nghị Giám đốc ĐHĐN tặng Giấy khen không quá 05 tập thể/01 trường và không quá 03 tập thể/01 đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN.

6. Các trường hợp khác không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này, Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN trình Giám đốc ĐHĐN xem xét, quyết định.

7. Hồ sơ đề nghị Giám đốc ĐHĐN tặng Giấy khen gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng (01 bộ);

c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng;

d) Trường hợp cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng do lập được thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất thì hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 7 Điều này.

8. Các đơn vị không đề nghị xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khi tập thể, cá nhân đã được tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN về cùng thành tích đạt được.

## **Chương IV**

### **KHEN THƯỞNG QUÁ TRÌNH CÔNG HIẾN**

#### **Điều 25. Quy định chung về khen thưởng quá trình công hiến**

Quy định chung về khen thưởng quá trình công hiến thực hiện theo như quy định tại Điều 6 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

#### **Điều 26. Quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình công hiến**

Quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng quá trình công hiến thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

## **Điều 27. “Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba**

“Huân chương Lao động” hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 42, Điều 43 và điểm g khoản 1 Điều 44 của Luật TĐKT, có quá trình cống hiến lâu dài trong ĐHĐN.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG TĐKT CÁC CẤP**

#### **Điều 28. Hội đồng TĐKT cấp ĐHĐN**

1. Hội đồng TĐKT cấp ĐHĐN do Giám đốc ĐHĐN quyết định thành lập, có chức năng tham mưu, tư vấn về việc thực hiện công tác TĐKT tại ĐHĐN.

2. Thành phần Hội đồng là số lẻ, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc ĐHĐN.

b) Hội đồng có không quá 04 Phó Chủ tịch. Phó Giám đốc ĐHĐN phụ trách công tác TĐKT hoặc Trưởng ban Ban Tổ chức Cán bộ (TCCB) làm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng. Chủ tịch Công đoàn ĐHĐN làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

c) Các ủy viên gồm: Đại diện: Đảng ủy ĐHĐN, Hội đồng ĐHĐN, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ĐHĐN; Hiệu trưởng các trường đại học thành viên; đại diện lãnh đạo Ban TCCB là ủy viên Thường trực Hội đồng; đại diện: lãnh đạo Ban Kế hoạch - Tài chính, Ban Thanh tra và Pháp chế và các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN khác có liên quan.

d) Tùy vào tình hình thực tiễn, Giám đốc ĐHĐN quyết định thành lập Tổ Thư ký giúp việc cho Hội đồng. Tổ thư ký có Tổ trưởng và các Tổ viên. Thành viên Tổ Thư ký gồm: đại diện viên chức Ban TCCB và một số viên chức được giao phụ trách TĐKT của các trường đại học thành viên hoặc đơn vị có liên quan.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì ý kiến quyết định là của Chủ tịch Hội đồng.

b) Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng tham dự. Trường hợp vắng mặt, thành viên Hội đồng phải được Chủ tịch Hội đồng đồng ý và gửi lại phiếu bầu (nếu có). Trường hợp không tổ chức họp Hội đồng được thì Thư ký Hội đồng gửi các hồ sơ đến từng thành viên Hội đồng để xem xét cho ý kiến bằng văn bản và gửi Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

a) Tham mưu Giám đốc ĐHĐN phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, đôn đốc hoạt động của các khối thi đua trong ĐHĐN; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy

mạnh phong trào thi đua trong từng năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về TĐKT.

c) Tham mưu kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về TĐKT.

d) Bình xét, đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể, cá nhân theo quy định.

#### 5. Thường trực Hội đồng

a) Thường trực Hội đồng gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực Hội đồng.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng:

- Đề xuất, tham mưu Hội đồng về chủ trương, kế hoạch tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác khen thưởng theo quy định; chuẩn bị chương trình, xây dựng kế hoạch, dự thảo báo cáo sơ kết, tổng kết công tác TĐKT của Hội đồng; tổng hợp kết quả bình xét, đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trình Hội đồng TĐKT theo thẩm quyền;

- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến và gửi tài liệu tới các thành viên Hội đồng trước phiên họp 03 ngày làm việc;

- Thẩm định hồ sơ và hoàn thiện các thủ tục trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”;

- Thẩm định hồ sơ, trình ĐHĐN xét tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN hoặc xét, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, khen thưởng thủ tục đơn giản;

- Tổ chức triển khai các kết luận của Hội đồng; hướng dẫn nghiệp vụ về TĐKT và xử lý các thông tin, đề nghị của Hội đồng TĐKT cơ sở; tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu;

- Thực hiện công tác tổ chức các phiên họp Hội đồng; báo cáo tóm tắt nội dung cuộc họp Hội đồng; báo cáo về điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng, thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng; quan điểm, ý kiến đề nghị của đơn vị giúp việc Hội đồng để Hội đồng thảo luận, xem xét;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo đúng quy định.

#### 6. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng

- Tổ chức, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội đồng;

- Phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình công tác, kế hoạch và nhiệm vụ được giao của các thành viên và Thư ký Hội đồng;

- Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng;

- Phê duyệt chương trình công tác, kế hoạch hằng năm (nếu có) của Hội đồng;

- Ký, ban hành các văn bản của Hội đồng;

- Quyết định triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng (trường hợp vắng mặt thì ủy quyền, phân công cho Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng điều hành hoặc xử lý công việc).

#### 7. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng

- Thay mặt Chủ tịch Hội đồng chủ trì, kết luận các phiên họp của Hội đồng và ký các văn bản của Hội đồng khi Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, phân công;

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy chế và các quyết định về chủ trương công tác của Hội đồng theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng;

- Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng và nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

#### 8. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng

- Tham gia giải quyết các công việc của thường trực Hội đồng; ký các văn bản theo phân công, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng;

- Giúp Chủ tịch Hội đồng kiểm tra việc thực hiện quy chế, chương trình công tác và kế hoạch của Hội đồng theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng;

- Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng và nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

#### 9. Nhiệm vụ của các ủy viên Hội đồng

- Chịu trách nhiệm thực hiện việc quán triệt các nội dung có liên quan đến công tác TĐKT;

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp, hội nghị của Hội đồng theo quy định. Nghiêm túc thực hiện chương trình công tác, kế hoạch của Hội đồng đã đề ra. Trường hợp vắng mặt không tham dự cuộc họp, hội nghị của Hội đồng, thành viên Hội đồng phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng và gửi ý kiến bằng văn bản (đối với những vấn đề mà thành viên Hội đồng phải có ý kiến) về Thư ký Hội đồng; nếu thành viên Hội đồng không có ý kiến được coi là nhất trí với đề nghị của thường trực Hội đồng;

- Đề xuất với Hội đồng về công tác TĐKT của ĐHĐN;

- Thực hiện việc xem xét, bỏ phiếu đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định;

- Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng và nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

#### 10. Nhiệm vụ của ủy viên Thường trực Hội đồng

- Tham mưu xây dựng chương trình công tác, kế hoạch, các văn bản về công tác TĐKT của ĐHĐN;

- Tham mưu tổng hợp, báo cáo các nội dung có liên quan về công tác TĐKT cho thường trực Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng và Hội đồng;

- Thực hiện việc xem xét, bỏ phiếu đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định;
- Chịu trách nhiệm thẩm tra, xác minh thành tích của các tập thể, cá nhân;
- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về TĐKT của ĐHĐN;
- Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng và nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

#### 11. Nhiệm vụ của Tổ Thư ký Hội đồng

- Tham mưu xây dựng chương trình công tác, kế hoạch, các văn bản về công tác TĐKT của ĐHĐN;
- Tham mưu tổng hợp, chuẩn bị hồ sơ, thủ tục báo cáo ủy viên thường trực Hội đồng để trình xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng về công tác TĐKT của ĐHĐN;
- Chịu trách nhiệm thẩm tra, xác minh thành tích của các tập thể, cá nhân;
- Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của ủy viên thường trực Hội đồng.

### **Điều 29. Hội đồng TĐKT cơ sở**

1. Hội đồng TĐKT cơ sở do Giám đốc ĐHĐN/Hiệu trưởng/Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh quyết định thành lập, có chức năng tham mưu, tư vấn về việc thực hiện công tác TĐKT tại đơn vị.

2. Nguyên tắc làm việc; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng TĐKT cơ sở: thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Quy định này.

3. Nhiệm vụ của thường trực Hội đồng (nếu có), Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng do Hội đồng TĐKT cơ sở quy định hoặc thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Quy định này.

#### 4. Thành phần Hội đồng TĐKT cơ sở

a) Đối với các trường đại học thành viên, thành phần Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng.
- Hội đồng có không quá 04 Phó Chủ tịch. Phó Hiệu trưởng hoặc Thủ trưởng đơn vị được giao phụ trách công tác TĐKT làm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng. Chủ tịch Công đoàn trường làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

- Các ủy viên gồm: Đại diện: Đảng ủy, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường; Chủ tịch Hội đồng trường; đại diện lãnh đạo đơn vị phụ trách TĐKT là ủy viên Thường trực Hội đồng; đại diện lãnh đạo đơn vị phụ trách: Thanh tra và Pháp chế, Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị thuộc, trực thuộc có liên quan.

b) Đối với Cơ quan ĐHĐN (bao gồm các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN), thành phần Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc ĐHĐN.

- Hội đồng có không quá 04 Phó Chủ tịch. Phó Giám đốc ĐHĐN phụ trách công tác TĐKT làm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng. Chủ tịch Công đoàn Cơ quan ĐHĐN làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

- Các ủy viên gồm: Đại diện: Đảng ủy Cơ quan ĐHĐN, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Cơ quan ĐHĐN; đại diện lãnh đạo Ban TCCB ĐHĐN là ủy viên Thường trực Hội đồng; đại diện lãnh đạo Ban Thanh tra và Pháp chế, Ban Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị thuộc, trực thuộc có liên quan.

c) Đối với Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh, thành phần Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Viện trưởng.

- Hội đồng có không quá 03 Phó Chủ tịch. Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Phó Viện trưởng. Chủ tịch Công đoàn của đơn vị làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

- Các ủy viên gồm: Đại diện: Chi ủy, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của đơn vị (nếu có); đại diện lãnh đạo đơn vị phụ trách TĐKT của Viện là ủy viên Thường trực Hội đồng; đại diện lãnh đạo các tổ chức cấu thành có liên quan của Viện.

## **Chương VI**

### **HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 30. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục khen thưởng**

1. Khi họp xét, đề nghị tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Cờ thi đua Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua Chính phủ”, Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng phải tiến hành bỏ phiếu.

Đối với tập thể, cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Cờ thi đua Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua Chính phủ” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, Biên bản xét khen thưởng).

Đối với danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Huân chương các hạng” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng TĐKT cấp trình khen thưởng từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp bình xét danh hiệu thi đua, Biên bản xét khen thưởng).

2. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen

thường không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính từ thời điểm ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

3. Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức khen thưởng theo quy định. Trong báo cáo phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm hoặc văn bản xác nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc hoàn thành tốt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền trong thời gian tính thành tích khen thưởng của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng (đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ); số quyết định, ngày, tháng, năm được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (trừ trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản). Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng của cá nhân, tập thể ngoài việc thể hiện thành tích đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định còn phải thể hiện chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước gồm bản cứng, bản mềm và tóm tắt thành tích dưới dạng tệp tin điện tử (bản word và bản pdf), gửi về ĐHĐN qua Ban TCCB (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật Nhà nước). Hồ sơ khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi ĐHĐN nhận được bản giấy (bản chính) của hồ sơ và đầy đủ các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

### **Điều 31. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản**

Việc khen thưởng và hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gửi về ĐHĐN gồm 02 bộ (bản chính) theo như quy định tại Điều 40 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

### **Điều 32. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng**

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng
  - a) Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi về ĐHĐN trước ngày 10/01 hàng năm.
  - b) Cấp Nhà nước gửi về ĐHĐN trước ngày 28/02 hàng năm.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất: Ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm trình Giám đốc ĐHĐN xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo phong trào thi đua, chuyên đề, kỳ thi, cuộc thi, hội thi, khen thành lập: Ngay sau khi kết thúc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, chuyên đề, kỳ thi, cuộc thi, hội thi và vào dịp thành lập năm tròn, thủ trưởng đơn vị xét chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, trình Giám đốc ĐHĐN xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

## Chương VII

### QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

#### Điều 33. Thành lập, quản lý và sử dụng quỹ TĐKT

1. Quỹ TĐKT của các đơn vị được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quỹ TĐKT cấp nào do Thủ trưởng cơ quan cấp đó quyết định và giao cho cơ quan quản lý Quỹ TĐKT thực hiện.

3. Quỹ TĐKT được dùng để chi tổ chức thực hiện công tác TĐKT:

a) Chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho thành tích đạt được; chi in, làm hiện vật khen thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho cá nhân, tập thể. Trích tối đa 20% trong tổng quỹ TĐKT của từng cấp để chi tổ chức phát động, chỉ đạo triển khai, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến, học tập, trao đổi kinh nghiệm về TĐKT; kiểm tra công tác TĐKT của Hội đồng TĐKT; họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác TĐKT. Mức chi cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Chi tổ chức hoạt động xét tặng các danh hiệu vinh dự Nhà nước và “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, kinh phí được hạch toán độc lập ở mỗi đợt tổ chức xét tặng cho các hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được tặng các danh hiệu thi đua, Cờ thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”; tặng hoặc truy tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Kỷ niệm chương, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng còn được thưởng tiền hoặc tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương theo quy định tại các Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

5. Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam được khen thưởng được nhận hiện vật khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương theo quy định tại các Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

#### Điều 34. Nguyên tắc tính tiền thưởng

1. Tiền thưởng cho cá nhân, tập thể được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận danh hiệu thi đua, quyết định hình thức khen thưởng.

2. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

3. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

4. Trong cùng một hình thức khen thưởng, cùng một mức khen thưởng, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.



5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, có thời gian đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua tương ứng.

6. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều hình thức khen thưởng, có thời gian, thành tích đạt được các hình thức khen thưởng đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các hình thức khen thưởng tương ứng.

7. Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa được công nhận danh hiệu thi đua vừa được quyết định hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

8. Trường hợp cấp có thẩm quyền có quy định khác về chính sách cải cách tiền lương, quỹ TĐKT và mức tiền thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tặng cho tập thể, cá nhân thì thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

### **Điều 35. Trách nhiệm chi tiền thưởng**

1. ĐHĐN thực hiện chi thưởng cho tập thể, gồm: các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN; các tập thể nhỏ và cá nhân của các đơn vị thuộc ĐHĐN do Giám đốc ĐHĐN khen thưởng theo thẩm quyền.

2. Các trường đại học thành viên, Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh và các đơn vị trực thuộc ĐHĐN thực hiện chi thưởng cho tập thể nhỏ, cá nhân trong đơn vị hoặc theo quy định tại quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với các tập thể, cá nhân được công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Bộ hoặc cấp Nhà nước thì thực hiện việc chi thưởng theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

### **Điều 36. Mức tiền thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

Mức tiền thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân được thực hiện theo quy định tại Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

## **Chương VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 37. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

#### **Điều 38. Tổ chức thực hiện**

1. Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp cụ thể hóa nội dung, tiêu chí, biện pháp tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến; phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, trình

Giám đốc ĐHĐN xét, khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng kịp thời và tương xứng với thành tích đạt được; kiến nghị đổi mới công tác TĐKT.

2. Ban TCCB, ĐHĐN có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, tham mưu kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác TĐKT; tham mưu nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong ĐHĐN; thẩm định hồ sơ, trình Giám đốc ĐHĐN quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét, khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về hồ sơ, thủ tục, thời hạn gửi hồ sơ đề nghị theo quy định và các quy định của pháp luật có liên quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, điều kiện tiêu chuẩn theo quy định.

4. Hiệu trưởng các trường đại học thành viên/Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN đề nghị, trình xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (trừ trường hợp đề nghị Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”, khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo thủ tục đơn giản) có trách nhiệm công khai danh sách cá nhân, tập thể trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có) ít nhất 07 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng TĐKT của đơn vị. Kết quả công khai (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng TĐKT của đơn vị trình, trước khi trình cấp trên khen thưởng và được nêu trong Biên bản xét khen thưởng của đơn vị trình.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp thì các trường đại học thành viên, đơn vị thuộc, trực thuộc ĐHĐN phản ánh bằng văn bản về ĐHĐN qua Ban TCCB để tổng hợp trình Giám đốc ĐHĐN xem xét, bổ sung, sửa đổi theo quy định./